

Phú Cường, ngày 28 tháng 08 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

NĂM HỌC: 2024 – 2025

Căn cứ vào nội dung bồi dưỡng chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo.
Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục Mẫu giáo;

Khởi Chồi trường mầm non Hoa Lan xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

A/ PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ LỚP

- Mẫu giáo : Lớp Chồi (4 tuổi) là 48 trẻ
- + **Giáo viên:** Có 5 giáo viên
 1. Nguyễn Thị Ngọc Mai
 2. Nguyễn Hoàng Yến
 3. Nguyễn Thị Cẩm Hương
 4. Hán Thị Thu Can
 5. Nguyễn Thị Thu Thảo
- + **Trình độ :** Đại học (2 GV); Cao đẳng (3 GV)

B/ PHẦN II: MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Mục tiêu chương trình giáo dục trẻ Nhà trẻ: (5 lĩnh vực)

1. Phát triển thể chất:	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
2. Phát triển nhận thức:	- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú

	ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán
3. Phát triển ngôn ngữ:	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết
4. Phát triển thẩm mỹ:	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.
5. Phát triển tình cảm xã hội:	- Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

II/ MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ

1. LỚP Chồi 4-5 tuổi:

LĨNH	SỐ	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
------	----	-------------------	-------------------

VỰC	THỨ TỰ	NĂM HỌC	NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục sáng đúng nhịp.	- Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời.
	2	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Đi chạy làm theo người dẫn đầu +Chạy theo đường thẳng
	3	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh nhạy của đôi mắt.	- Lăn bóng theo trò chơi “ cho bạn cho tôi”.
	4	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	-Đi theo đường hẹp, nhảy qua mương.
	5	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: +Ném trúng đích ngang (xa 1,5m)	Ném xa bằng một tay (thi xem ai ném xa nhất.
	6	- Biết phối hợp vận động các giác quan.Bật tiến về phía trước.	Bật tiến về phía trước.
	7	Bò trong đường hẹp (3x0,4m) không chệch ra ngoài.	Đi, bò chui qua cổng
	8	Phối hợp tay - mắt trong vận động +Tung bắt bóng với cô; bắt được ba lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m) +Tự đập bắt bóng được 3 lần liên tiếp (bóng 18cm)	Tung và đập bóng
	9	-Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: +Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m	2. Chạy ném trúng đích, đích nằm ngang
	10	- Giữ thẳng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp (3mx0,2m) + Đi kiễng gót liên tục 3m	Đi trong đường hẹp, bật xa 30 cm
	11	- Cháu phát triển vận động trườn về phía trước.	- Trườn sấp
	12	- Cháu phát triển vận động như:	Ném xa bằng 2 tay

		Ném xa bằng 2 tay.	
13	- Biết phối hợp vận động các giác quan.Bật liên tục qua 5 ô vuông.	Bật liên tục qua 5 ô vuông.	
14	- Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạng, khéo léo khi trèo lên xuống thang.	Trèo thang.	
15	- Phát triển sự nhanh nhẹn, khéo léo và phối hợp vận động-các giác quan ném trúng đích.	Ném trúng đích, đích thẳng đứng.	
16	- Phát triển một số vận động cơ bản: Ném trúng đích đích thẳng đứng, đi ngang bước dồn theo trò chơi : chọn quả	- Đi ngang bước dồn theo trò chơi chọn quả	
17	-Phát triển một số vận động cơ bản: Bật cụm chân theo 5 ô vuông, bật qua dây	- Bật cụm chân theo 5 ô vuông	
18	- Phát triển sự phối hợp vận động-các giác quan	- Bật qua dây	
19	Phát triển một số vận động cơ bản mô phỏng các con vật; chạy, trườn sấp, bật tại chỗ, bật sâu, ném trúng đích.	Bật tại chỗ theo trò chơi” nhảy cao như bóng nảy”	
20	Phát triển sự nhanh nhẹn khéo léo và phối hợp giữa các chi, rèn luyện sức khỏe dẻo dai cho trẻ.	Bật sâu 15 cm. Chạy 10 m	
21	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: +Ném trúng đích.	-Trườn sấp - Ném trúng đích theo trò chơi” cho cá ăn”	
22	- Trẻ phát triển khả năng vận động, mô phỏng lại công việc của 1 số nghề nghiệp quen thuộc.	- Chạy chui qua cổng theo trò chơi” thi xem tổ nào nhanh”	
23	- Trẻ biết các vận động cơ bản: chạy chui qua cổng, chạy nhanh.	- Chạy nhanh 15 m	
24	- Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạng, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, rèn luyện sức khỏe dẻo dai cho các cháu.	- Ném xa bằng 2 tay	
25	- Trẻ biết các vận động cơ bản: bật xa. 20-25 cm.	- Bật xa	
26	- Luyện tập cho trẻ tính	- Đi chạy theo trò chơi” Làm đoàn	

		nhANH NHẸN, KHÉO LÉO, BIẾT CHƠI CÁC TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG. - Phát triển sự phối hợp của mắt và tay.	tàu”
	27	- Phát triển một số vận động cơ bản, bò chạy, chui qua cổng	- Bài tập tổng hợp: Bò chui qua cổng
	28	- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt + Xoay tròn cổ tay + Gập đan ngón tay vào nhau.	- Đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay
	29	-Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Xếp chồng 8-10 khối không đồ. + Vẽ hình tròn theo mẫu + Cắt được một đoạn dài 10cm. + Tự cài, cởi cúc	- Đan, tết - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Xé,dán giấy - Sử dụng kéo, bút - Tô,vẽ nguệch ngoạc - Cài, cởi cúc
	30	- Cháu nhận biết được một số thực phẩm qua các món ăn tại trường	Cháu có kỹ năng phân loại được các món ăn tại trường, và biết ăn uống nhai từ tốn, không nhai nhồm nhoàm, nói chuyện cười giỡn trong khi ăn.
	31	- Tập tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày tại trường : cháu biết rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh + Cháu biết tập và rèn kỹ năng rửa tay, lau mặt bằng khăn ướt	- Cháu có kỹ năng rửa tay, lau mặt bằng khăn ướt, tự làm một số công việc tại trường. +Tập thói quen rửa tay bằng xà phòng. +Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước + Rửa tay bằN xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.
	32	- Các cháu có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân vệ sinh môi trường môi trường sạch sẽ.	- Cháu rèn luyện luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định....biết giữ gìn vệ sinh môi trường.
	33	- Cháu nhận biết được những vật dụng nơi an toàn và không an toàn tại trường, không theo người lạ, không ra khỏi khu vực lớp, trường khi chưa được phép của cô. giữ an toàn cho bản thân và cho bạn khi chơi.	- Cháu có kỹ năng giữ gìn bảo vệ an toàn và sức khỏe. Biết gọi cô giáo khi bị ốm, không chịu theo người lạ, không ra khỏi khu vực nhóm lớp khi chưa xin phép cô giáo, không có những hành vi gây nguy hiểm cho bản thân và cho bạn.
	34	- Biết một số thông tin quan	- Biết tên ba mẹ, người thân gần

		trọng về bản thân và gia đình.	gửi, biết số nhà, số điện thoại để nhờ người giúp đỡ khi bị lạc đường. - Biết nghề nghiệp bố mẹ.
	35	- Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.	- Cháu biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặc áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
	36	- Cháu biết nhu cầu ăn uống của gia đình.	- Các bữa ăn trong gia đình, làm quen và tham gia chế biến một số món ăn đơn giản. Làm quen 4 nhóm thực phẩm; chất bột đường, chất đạm, chất béo, khoáng chất và các vitamin.
	37	- Giúp bố mẹ làm một số việc vừa sức	Phụ rửa rau, lấy thực phẩm đưa cho ba mẹ nấu. Làm gì khi trong nhà có người bị ốm, ví dụ: lấy nước cho người bệnh uống, nhúng khăn để người bệnh lau mát v.v...
	38	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	-Tránh những vật nhọn sắc như dao, nĩa, đinh que v.v.. Những nơi nguy hiểm như: hồ, bếp, sàn nước, phải có người lớn đi cùng
	39	- Cháu có kỹ năng ăn uống các loại trái cây	- Cháu biết rửa sạch, bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt.v.v.....như bỏ hạt, rửa sạch, không dùng dao để xắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
	40	- Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm khi ăn, không ăn thực phẩm ôi thiu, nấm mốc.v.v...	Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm tươi sống và thực phẩm ôi thiu.
	41	- Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm trong ngày tết. Cháu biết giữ gìn sức khỏe trong ngày tết và khi chuyển mùa.	- Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm an toàn cho bản thân trong dịp tết. Ăn uống có chừng mực, ăn nhiều thực phẩm, nghỉ ngơi hợp lý, không thức khuya.
	42	-Biết kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. Cách chế biến các món ăn	-Tên các món ăn quen thuộc hằng ngày
	43	-Cháu biết mối nguy hiểm khi chọc hoặc chơi gần chó mèo lạ, cẩn thận khi tiếp xúc với những con vật dữ.	- Biết cách tránh các hành động gây nguy hiểm như chọc phá các con vật nuôi để giữ an toàn cho bản thân mình.
	44	- Cháu biết các loại nguồn nước, và biết sử dụng đúng	- Cháu biết có các loại nước, nước uống và nước để xài, nước sinh

PHÁT TRIỂN NHÂN THỨC		nguồn nước.	hoạt hàng ngày. - Cháu biết ích lợi của nước đối với con người, cây cối và biết giữ gìn nguồn nước trong cuộc sống hàng ngày.
	45	- Cháu biết an toàn khi tham gia giao thông	- Biết ngồi xe máy phải đội nón bảo hiểm, vịn tay, ngồi xe hơi không thò đầu ra ngoài.v..
	46	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về sự thay đổi của sự vật, hiện tượng: "vì sao cây lại héo?","vì sao lá cây bị úớt?"	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
	47	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
	48	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường / muối vào nước, dự đoán, qua sát, so sánh.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Một số đặc điểm, tính chất của nước.
	49	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người
	50	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu
	51	- Nhận xét được một số mối	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa

	quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn.	đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
52	- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi
53	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: "bao nhiêu?" , "là số mấy?"...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng
54	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
55	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm
56	- Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	tách nhóm đối tượng thành nhóm nhỏ hơn
57	- Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
58	- Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại. -so sánh về kích thước	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
59	- Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo
60	- Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác - giống nhau của các hình: hình vuông , hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
61	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
62	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, phía phải- phía trái)
63	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
64	- Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân

		chuyện.	
	65	- Nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
	66	- Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm).
	67	- Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, địa chỉ của trường, lớp.
	68	- Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
	69	- Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ, tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường
	70	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm - ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương
	71	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
	72	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	73	- Thực hiện hai, ba yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng"	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu
	74	- Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
	75	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi
	76	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	77	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai ?", "cái gì ?", "ở đâu?", "khi nào ?", "để làm gì?"

	78	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	79	- Kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
	80	- Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
	81	- Kể chuyện có mở đầu, kết thúc	- Kể lại truyện đã được nghe
	82	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện	- Đóng kịch.
	83	- Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
	84	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp khi được nhắc nhở.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó
	85	- Chọn sách để xem	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn, bảo quản sách
	86	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ
	87	- Cầm sách đúng chiều và lật từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt").	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	88	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)
	89	- Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
	90	- Hát tự nhiên, thể hiện tình cảm bài hát quen thuộc.	- Hát, bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	91	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Vận động, sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhạc, bài hát.
	92	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Chỉ ra cái đẹp trong sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.
	93	- Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Trẻ ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, đồ dùng đồ chơi.

	94	- Rèn cho trẻ các kĩ năng tạo hình.	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp để tạo thành các sản phẩm có 1 khối, nhiều khối. - Rèn cho trẻ kĩ năng tô màu, cách cầm bút tô đúng
	95	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Vẽ đẹp trong vận động, trong tạo hình, âm nhạc....
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	96	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố - mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, bố mẹ.
	97	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân
	98	- Có gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Hoàn thành công việc được giao
	99	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh...	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
	100	- Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
	101	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ
	102	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Các hình ảnh của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi, lăng Bác
	103	- Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	104	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, cha mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. - Phân biệt hành vi "đúng"-"sai" "tốt"-"xấu"
	105	- Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.

	106	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe cô và bạn nói
	107	- Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác.
	108	- Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ.
	109	- Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Tiết kiệm điện, nước.
	110	- Bỏ rác đúng nơi quy định	- Bỏ rác vào thùng rác - Giữ gìn vệ sinh môi trường
	111	- Không bẻ cành, ngắt hoa	- Bảo vệ, chăm sóc, con vật và cây cối

C/ PHẦN III: DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ CỦA NĂM HỌC

1. LỚP Chồi 4-5 tuổi: (13 chủ đề):

CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐỀ NHÁNH
TRƯỜNG MN (3 tuần) TẾT TRUNG THU	Từ 09/09 đến 13/09/2024	Ngày hội của bé đến trường
	Từ 16/09 đến 20/09/2024	Bé và các bạn trong lớp
	Từ 23/09 đến 27/09/2024	Công việc của các cô chú trong trường
BẢN THÂN BÉ (3 tuần)	Từ 30/09 đến 04/10/2024	Cơ thể bé xinh đẹp
	Từ 07/10 đến 11/10/2024	Sở thích của bé
	Từ 14/10 đến 18/10/2024	Bé ăn đủ các chất để khỏe mạnh
GIA ĐÌNH CỦA BÉ (3 tuần)	Từ 21/10 đến 25/10/2024	Bố mẹ và những người thân yêu của bé
	Từ 28/10 đến 01/11/2024	Nơi ở gia đình và người thân của bé
	Từ 04/11 đến 08/11/2024	Một số đồ dùng trong gia đình
MỘT SỐ NGÀNH	Từ 11/11 đến 15/11/2024	Chú công nhân đáng yêu

NGHỀ BÉ BIẾT (4 tuần) 20/11 NGVN	Từ 18/11 đến 22/11/2024	Cô thợ may dễ thương
	Từ 25/11 đến 29/11/2024	Chú bộ đội , chú công an
	Từ 02/12 đến 06/12/2024	Nghề bác sĩ
CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (3 tuần) QĐND VN 22/12	Từ 09/12 đến 13/12/2024	Nước xung quanh bé
	Từ 16/12 đến 20/12/2024	Ngày và đêm
	Từ 23/12 đến 27/12/2024	Vòng tuần hoàn của nước
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG (2 tuần)	Từ 30/12 đến 03/01/2025	Các loại giao thông đường bộ
	Từ 06/01 đến 10/01/2025	Bé biết một số luật giao thông
MÙA XUÂN – TẾT (2 tuần)	Từ 13/01 đến 17/01/2025	Mùa xuân quê em
	Từ 20/01 đến 24/01/2025	Ngày tết cổ truyền quê em
Nghỉ tết nguyên đán 25/01/ 2025 ==> 02/02/2025		
QUÊ HƯƠNG CỦA BÉ CÓ GÌ (2 tuần)	Từ 03/02 đến 08/02/2025	Lễ hội quê bé
	Từ 10/02 đến 14/02/2025	Quê hương quê em có gì (Danh lam ,thắng cảnh)
THẾ GIỚI THỰC VẬT (4 tuần) NGÀY 8/3	Từ 17/02 đến 21/02/2025	Những loài hoa dễ thương
	Từ 24/2 đến 28/2/2025	Một số quả bé thích
	Từ 3/03 đến 07/03/2025	Bé biết các loại rau củ quả
	Từ 10/03 đến 14/03/2025	Cây xanh và môi trường
BÉ BIẾT CON VẬT SỐNG Ở ĐÂU (2 tuần)	Từ 17/03 đến 21/03/2025	Con vật nuôi trong nhà
	Từ 24/3 đến 28/3/2025	Con vật sống dưới nước

NHỮNG CON VẬT BÉ THÍCH (3 tuần)	Từ 31/03 đến 04/04/2025	Con vật sống trong rừng (Thỏ, nai,..)
	Từ 07/04 đến 11/04/2025	Động vật biết bay (các loài chim)
	Từ 14/04 đến 18/4/2025	Những chú bướm dễ thương
BÉ ĐÓN HÈ (3 tuần)	Từ 21/04 đến 25/4/2025	Mùa hè của bé
	Từ 28/4 đến 02/05/2025	Tổ chức hoạt động trải nghiệm
	Từ 05/05 đến 10/05/2025	Mùa hè quê bé
QUÊ HƯƠNG - THỦ ĐÔ - BÁC HỒ CỦA BÉ (2 tuần)	Từ 12/05 đến 16/05/2025	Bác hồ với các cháu thiếu nhi
	Từ 19/05 đến 23/05/2025	Ngày tết thiếu nhi

D/ PHẦN IV: CHẾ ĐỘ SINH HOẠT
LỚP Chồi 4-5 tuổi:

THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6g 30 =>7g0	ĐÓN TRẺ				
7g 0 => 7g 20	THỂ DỤC SÁNG				
7g 20 => 8g 10	ĂN SÁNG				
8g 10 => 8g 50	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
	HOẠT ĐỘNG HỌC				
8 g 50 =>9 g 15 (T.gian 1 tiết)	TDGH	LQVT	KPKH	LQVH-PTNN	GDAN
8 g 50 => 9 g 30 (T.gian 2 tiết)			Tạo hình		
9g 20 => 10g10 (T.gian 1 tiết)	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
9g 30 => 10g10 (T.gian 2 tiết)					

•

10g 10 => 10g 30	Vệ sinh chuẩn bị ăn trưa				
10g30 => 11g30	ĂN TRƯA				
11g30 => 14 g	NGỦ TRƯA				
14g 0 => 14g15	Vệ sinh sau khi ngủ dậy				
14g15 => 15g30	HOẠT ĐỘNG CHIỀU				
14g15=>14g 50	<i>HDTC mới</i> <i>Khám phá khoa học</i>	TTVS	THNTH	ÔN	SHTT
14g50 => 15g15		HĐNK: TDND AV	HĐPM	TDND -AV	LQCC
15g30 => 16g15	VỆ SINH - ĂN CHIỀU				
16g15 => 16g30	NÊU GƯƠNG				
16g30=>17g 0	TRẢ TRẺ				

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

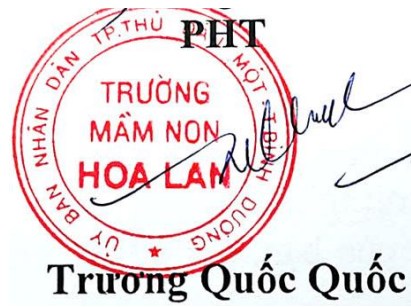


Nguyễn Thị Ngọc Mai

●

PHÊ DUYỆT CỦA PHÓ HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MN HOA LAN
Thống nhất với kế hoạch lớp chồi 4-5 tuổi

PHÓ HIỆU TRƯỞNG/CM



Trương Quốc Quốc